



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: DH08QLGL (Quản lý đất đai Gia Lai)
Môn Học QH sử dụng đất (909502-02)
CBGD *Phan Văn Tú*

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	08124123	HỒ SỸ TUẤN	ANH	07/05/90	1	5	nam	<i>HT</i>	
2	08124122	LÊ THỊ LAN	ANH	10/04/87	1	7	bây	<i>HL</i>	
3	08124125	HOÀNG NGUYỄN	BÌNH	19/04/90	1	(4)	bôn	<i>binh</i>	
4	08124126	NGUYỄN LÊ	CẢNH	22/10/90	1	5	nam	<i>CL</i>	
5	08124127	NGUYỄN VĂN	CẢNH	10/05/89	1	5	nam	<i>canh</i>	
6	08124128	BÙI THANH	CHỨC	17/02/89	1	5	nam	<i>chiec</i>	
7	08124129	ĐẶNG VIẾT	CHƯƠNG	07/02/89	1	(3)	ba	<i>thuyh</i>	
8	08124131	NGÔ THÀNH	CÔNG	03/08/90	1	7	bây	<i>theng</i>	
9	08124132	TRẦN THANH	DŨNG	02/11/89	1	(4)	bôn	<i>th</i>	
10	08124133	TRẦN TRUNG	DŨNG	19/07/90	1	5	nam	<i>thung</i>	
11	08124135	NGÔ ANH	DUY	12/06/90	1	7	bây	<i>duy</i>	
12	08124136	NGUYỄN NGỌC	DUY	11/01/90	1	4	bôn	<i>duy</i>	
13	08124137	ĐẶNG BẢO	ĐĂNG	06/09/90	1	(3)	ba	<i>dan</i>	
14	08124138	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	30/11/89	1	(3)	ba	<i>duy</i>	
15	08124139	PHAN THU	GIANG	05/04/90	1	5	nam	<i>giang</i>	
16	08124140	VÕ QUỐC	HẢI	14/08/90					<i>Vănq</i>
17	08124145	ĐOÀN THỊ TỔ	HIỀN	20/10/90	1	5	nam	<i>th</i>	
18	08124143	TRẦN THANH	HIỀN	24/01/88	1	(4)	bôn	<i>th</i>	
19	08124144	TRẦN THỊ THU	HIỀN	20/06/90	1	5	nam	<i>hiên</i>	
20	08124146	VÕ VĂN	HIỀN	02/10/89		(4)	bôn	<i>th</i>	
21	08124147	NGUYỄN VĂN	HIỆP	09/10/90	1	5	nam	<i>thep</i>	
22	08124151	NGUYỄN TRỌNG	HUY	19/08/90	1	(4)	bôn	<i>huy</i>	
23	08124153	CAO THỊ	HƯỜNG	08/08/90	1	(4)	bôn	<i>huong</i>	
24	08124154	ĐỖ HOÀNG	LONG	21/06/89	1	5	nam	<i>th</i>	
25	08124156	NGUYỄN HỮU	LỢI	30/04/90	1	5	nam	<i>loi</i>	
26	08124157	R MAH	LUÂN	28/12/89	1	5	nam	<i>luân</i>	
27	08124159	LÊ THỊ YẾN	LY	25/09/90	1	5	nam	<i>ly</i>	
28	08124160	NGUYỄN THỊ	LÝ	26/08/90	1	8	Tan	<i>th2</i>	
29	08124161	PHAN QUỲNH	MY	01/09/90					
30	08124164	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	25/07/89					
31	08124165	NGUYỄN THỊ	NGỌC	19/11/90					
32	08124168	NGUYỄN VĂN THÀNH	NHÂN	24/09/90					

th

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: **DH08QLGL (Quản lý đất đai Gia Lai)**
 Môn Học: **QH sử dụng đất (909502-02)**
 CBGD: **Phan Văn Tự**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	08124169	TRƯƠNG THỊ TRANG	NHUNG	06/09/89					
34	08124170	NGUYỄN THỊ MINH	NHỤT	21/10/90					
35	08124172	ĐẶNG THỊ HOÀI	PHƯƠNG	01/07/90					
36	08124174	NGUYỄN CÔNG	SƠN	26/06/85					
37	08124175	TRẦN TRỌNG	SƠN	01/01/90					
38	08124177	LÊ THỊ	TÂM	04/04/88					
39	08124178	CHU ĐÌNH	THÀNH	10/07/89					
40	08124179	HUYỀNH NGỌC	THÀNH	10/09/90					
41	08124180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/02/90					
42	08124181	ĐỖ MINH	THIỆN	26/10/89					
43	08124182	NGUYỄN PHƯƠNG	THIỆU	29/12/90					
44	08124183	ĐÌNH THÀNH	THỊNH	30/03/90					
45	08124184	TRƯƠNG MINH	THUẬN	06/01/89					
46	08124185	NGUYỄN VĂN	TIỀN	20/08/90					
47	08124186	NGUYỄN QUANG	TÍN	01/11/90					
48	08124187	LƯƠNG THANH	TOÀN	29/03/90					
49	08124188	LÊ ĐỨC	TOÀN	01/05/90					
50	08124192	PHAN TẤN	TRƯỜNG	20/01/90					
51	08124193	NGUYỄN PHAN MINH	TÚ	04/09/89					
52	08124194	NGUYỄN ANH	TUẤN	26/11/90					
53	08124195	TRẦN ĐÌNH	VĂN	05/09/90					
54	08124196	TRẦN THỊ	VÂN	08/02/89					
55	08124198	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	26/03/90					
56	08124199	LƯƠNG THỊ HOÀNG	YẾN	13/09/90					
57	08124200	KSOR	YVỀ	05/05/88					

Ngày 10 Tháng 4 Năm 2012

In Ngày 10/11/11

Tổng sinh viên: 27
 Tổng bài thi: 27
 27: 54

Cán Bộ Coi Thi 1 le Thi le Hong

Cán Bộ Coi Thi 2 Phan Văn Tự

Phan Văn Tự
 Nguyễn Thành Dũng

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 10/11/11

TP.HCM, Ngày 10 tháng 11 năm 2011

Phan Văn Tự

Phan Văn Tự

Phan Văn Tự



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: DH08QLGL (Quản lý đất đai Gia Lai)

Môn Học **QH sử dụng đất (909502-02)**

CBGD

Phan Văn Tư

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	08124123	HỒ SỸ TUẤN	ANH	07/05/90					
2	08124122	LÊ THỊ LAN	ANH	10/04/87					
3	08124125	HOÀNG NGUYỄN	BÌNH	19/04/90					
4	08124126	NGUYỄN LÊ	CẢNH	22/10/90					
5	08124127	NGUYỄN VĂN	CẢNH	10/05/89					
6	08124128	BÙI THANH	CHỨC	17/02/89					
7	08124129	ĐẶNG VIỆT	CHƯƠNG	07/02/89					
8	08124131	NGÔ THÀNH	CÔNG	03/08/90					
9	08124132	TRẦN THANH	DỮNG	02/11/89					
10	08124133	TRẦN TRUNG	DỮNG	19/07/90					
11	08124135	NGÔ ANH	DUY	12/06/90					
12	08124136	NGUYỄN NGỌC	DUY	11/01/90					
13	08124137	ĐẶNG BẢO	ĐĂNG	06/09/90					
14	08124138	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	30/11/89					
15	08124139	PHAN THU	GIANG	05/04/90					
16	08124140	VÕ QUỐC	HÀI	14/08/90					
17	08124145	ĐOÀN THỊ TỔ	HIỀN	20/10/90					
18	08124143	TRẦN THANH	HIỀN	24/01/88					
19	08124144	TRẦN THỊ THU	HIỀN	20/06/90					
20	08124146	VÕ VĂN	HIỀN	02/10/89					
21	08124147	NGUYỄN VĂN	HIỆP	09/10/90					
22	08124151	NGUYỄN TRỌNG	HUY	19/08/90					
23	08124153	CAO THỊ	HƯỜNG	08/08/90					
24	08124154	ĐỖ HOÀNG	LONG	21/06/89					
25	08124156	NGUYỄN HỮU	LỢI	30/04/90					
26	08124157	R MAH	LUÂN	28/12/89					
27	08124159	LÊ THỊ YẾN	LY	25/09/90					
28	08124160	NGUYỄN THỊ	LÝ	26/08/90					
29	08124161	PHAN QUỲNH	MY	01/09/90		6	Sáu	<i>My</i>	
30	08124164	TRẦN TRỌNG	NGHĨA <i>V</i>	25/07/89		6	Sáu	<i>Nghĩa</i>	
31	08124165	NGUYỄN THỊ	NGỌC	19/11/90		8	Tám	<i>ngọc</i>	
32	08124168	NGUYỄN VĂN THÀNH	NHÂN	24/09/90	<i>1</i>	8	Tám	<i>Nhân</i>	

Phan Văn Tư

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH08QLGL (Quản lý đất đai Gia Lai)
Môn Học: QH sử dụng đất (909502-02)
CBGD: Phan Văn Tự

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	08124169	TRƯƠNG THỊ TRANG	NHUNG	06/09/89	7	bảy	Nhung	
34	08124170	NGUYỄN THỊ MINH	NHỰT	21/10/90	7	bảy	Nhật	
35	08124172	ĐẶNG THỊ HOÀI	PHƯƠNG	01/07/90	7	bảy	Phường	
36	08124174	NGUYỄN CÔNG	SƠN	26/06/85	7	bảy	Sơn	
37	08124175	TRẦN TRỌNG	SƠN	01/01/90	6	sáu	Sơn	
38	08124177	LÊ THỊ	TÂM	04/04/88	7	bảy	Lê Thị Tâm	
39	08124178	CHU ĐÌNH	THÀNH	10/07/89	7	bảy	Chu Đình Thành	
40	08124179	HUỖNH NGỌC	THÀNH	10/09/90	6	sáu	Huỳnh Ngọc Thành	
41	08124180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/02/90	7	bảy	Nguyễn Thị Phương Thảo	
42	08124181	ĐỖ MINH	THIỆN	26/10/89	7	bảy	Đỗ Minh Thiện	
43	08124182	NGUYỄN PHƯƠNG	THIỆU	29/12/90	6	sáu	Nguyễn Phương Thiệu	
44	08124183	ĐINH THÀNH	THỊNH	30/03/90	7	bảy	Đinh Thành Thịnh	
45	08124184	TRƯƠNG MINH	THUẬN	06/01/89	6	sáu	Trương Minh Thuận	
46	08124185	NGUYỄN VĂN	TIỀN	20/08/90	6	sáu	Nguyễn Văn Tiền	
47	08124186	NGUYỄN QUANG	TÍN	01/11/90	5	năm	Nguyễn Quang Tín	
48	08124187	LƯƠNG THANH	TOÀN	29/03/90	(4)	bốn	Lương Thanh Toàn	
49	08124188	LÊ ĐỨC	TOÀN	01/05/90	6	sáu	Lê Đức Toàn	
50	08124192	PHAN TẤN	TRƯỜNG	20/01/90	5	năm	Phan Tấn Trường	
51	08124193	NGUYỄN PHAN MINH	TÚ	04/09/89	5	năm	Nguyễn Phan Minh Tú	
52	08124194	NGUYỄN ANH	TUẤN	26/11/90	5	năm	Nguyễn Anh Tuấn	
53	08124195	TRẦN ĐÌNH	VĂN ✓	05/09/90	5	năm	Trần Đình Văn	
54	08124196	TRẦN THỊ	VÂN	08/02/89	6	sáu	Trần Thị Vân	
55	08124198	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	26/03/90	5	năm	Nguyễn Quốc Vương	
56	08124199	LƯƠNG THỊ HOÀNG	YẾN ✓	13/09/90	5	năm	Lương Thị Hoàng Yến	
57	08124200	KSOR	YVỀ	05/05/88	5	năm	KSOR YVỀ	

In Ngày 10/11/11

Ngày 20 Tháng 04 Năm 2012

2SV: 29
2tờ: 56
2bầu: 29

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Trần Thị Thủy An

Trần Thị Trinh

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 10/11/11

TP.HCM, Ngày 10 tháng 11 năm 2011

Phan Văn Tự